ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 379 /GP-UBND	*Thanh Hóa, ngày 03 tháng 7 năm 2026*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 147/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; điều chỉnh tại Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 30/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 sửa đổi bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 4919/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh, điều chỉnh tại Quyết định số 5197/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 và Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi trong "Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hóa";

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hóa (diện tích mỏ 2,1 ha);

Căn cứ Quyết định số 4056/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án

Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Xây lắp điện và Xây dựng thủy lợi Thăng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 22/5/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hóa";

Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nộp ngày 27/5/2026 của Công ty TNHH Xây lắp điện và Xây dựng thủy lợi Thăng Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1007/TTr-SNNMT ngày 29/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Xây lắp điện và Xây dựng thủy lợi Thăng Bình (Mã số thuế: 2800573934; địa chỉ: Nhà ông Nguyễn Đăng Tạo, thôn Lý Nhân, xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hoá) được khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác: 1.064.386 m^3.

a) Khoáng sản chính (ở trạng thái tự nhiên): Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là: 971.359 m^3.

b) Khoáng sản đi kèm (ở trạng thái tự nhiên): Đá vôi làm đá ốp lát là: 93.027 m^3.

2. Phương pháp khai thác: Lộ thiên

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích: 2,1 ha.

b) Mức sâu khai thác thấp nhất: + 40,00 m;

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II - Bản đồ kèm theo.

4. Công suất khai thác tối đa (ở trạng thái tự nhiên): 36.000 m^3/năm.

5. Thời gian khai thác: 30 năm kể từ ngày được cấp phép; trong đó thời gian xây dựng cơ bản là 05 tháng.

Điều 2. Công ty TNHH Xây lắp điện và Xây dựng thủy lợi Thăng Bình có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và

chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các nội dung khác:

- Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ; báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật; trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chính hoặc xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (nếu có), tổ chức, cá nhân phải lập đề án thăm dò bổ sung, gửi cơ quan cấp giấy phép khai thác khoáng sản để xem xét, chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được công nhận kết quả thăm dò bổ sung.

- Lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, khai thác khoáng sản; kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép.

- Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt và các quy định khác có liên quan.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Địa chất và Khoáng sản;
- CVP, PCVP Lê Việt Hiếu;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Quý Lộc;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công ty TNHH Xây lắp điện và Xây dựng thủy lợi Thăng Bình;
- Lưu VT, CNXD (T07.07).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Văn Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục $105^0 00'$, múi chiếu 3^0)	
	X(m)	Y(m)
1	2219 179,60	553 519,90
2	2219 122,50	553 506,70
11	2219 139,96	553 363,14
12	2219 173,00	553 366,00
13	2219 228,00	553 165,00
14	2219 276,00	553 181,00
Diện tích khu vực khai thác: 2,1 ha		
Mức sâu khai thác thấp nhất: + 40,0 (m)		